

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo Kiểm toán Chất lượng cao định hướng ACCA, ngành Kiểm toán, trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quy chế tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Kinh tế quốc dân ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 9 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng Trường;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế quốc dân giai đoạn 2015-2017 và Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10/2017);

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

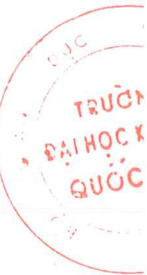
Căn cứ Quyết định số 62/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 20/01/2021 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban chỉ đạo và các tiểu ban rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tại cuộc họp ngày 17/9/2021 về việc đánh giá 10 chương trình đào tạo Chất lượng cao áp dụng từ khóa 63 (tuyển sinh năm 2021);

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo Tiên tiến, Chất lượng cao & POHE,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Kiểm toán Chất lượng cao định hướng ACCA, ngành Kiểm toán, trình độ đại học hệ chính quy, đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.



Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và áp dụng cho khóa 63 (tuyển sinh năm 2021)

Điều 3. Trưởng các Khoa/Viện có chuyên ngành đào tạo theo Chương trình Chất lượng cao, Viện trưởng Viện ĐTTT, CLC & POHE và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: *W*

- Đảng ủy, HĐT (để báo cáo)
- BGH (để chỉ đạo);
- Như Điều 3;
- Công TTĐT (để thông báo)
- V.KT-KT
- Lưu TH, V.ĐTTT, CLC & POHE

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Phạm Hồng Chương





BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Chương trình Chất lượng cao)

*(Ban hành theo Quyết định số 1594 ngày 22 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường ĐH KTQD)*

Ngành: KIỂM TOÁN

Major: Auditing

**CHƯƠNG TRÌNH KIỂM TOÁN CHẤT LƯỢNG CAO
ĐỊNH HƯỚNG ACCA**

Program: Advanced Auditing with ACCA orientation

Hệ: CHÍNH QUY

Mã ngành (Code of Major): 7340301

Hệ: CHÍNH QUY

Type of Education: Full-time

**Xây dựng từ chương trình của Đại học Kinh tế Quốc dân; Đại học Tổng hợp California, Long Beach, Hoa Kỳ; Đại học Adger Nauy, Trường Đại học Molde, Nauy và Trường Đại học Zhejiang Gongshang, Trung Quốc và định hướng ACCA
(Based on the curriculum of the NEU, California State University, Long Beach, USA; University of Adger, Norway; Molde University College, Norway and Zhejiang Gongshang University, China and with ACCA orientation)**

HÀ NỘI – 9/2021

MỤC LỤC

1. MỤC TIÊU / OBJECTIVE.....	1
2. CHUẨN ĐẦU RA/NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC/ LEARNER CAPABILITIES ...	2
3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 135 tín chỉ	2
4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/ APPLICANTS FOR ENROLLMENT.....	3
5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP/ (STUDY PROCESS AND GRADUATION REQUIREMENTS).....	3
6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:.....	3
7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY.....	4
7.1. Cấu trúc kiến thức	4
7.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)	5
8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN/INSTRUCTION.....	9

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHKQTĐ ngày tháng năm 2021
của Hiệu trưởng)

CHƯƠNG TRÌNH (PROGRAM):	CỬ NHÂN KIỂM TOÁN CHẤT LƯỢNG CAO ĐỊNH HƯỚNG ACCA (ADVANCED BACHELOR OF AUDITING WITH ACCA ORIENTATION)
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO (LEVEL OF EDUCATION):	ĐẠI HỌC (UNDERGRADUATE)
NGÀNH ĐÀO TẠO (MAJOR):	KIỂM TOÁN (AUDITING)
MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO (CODE):	7340301
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO (TYPE OF EDUCATION):	CHÍNH QUY (FULL - TIME)

1. MỤC TIÊU / OBJECTIVE

Đào tạo cử nhân đại học Chương trình Kiểm toán Chất lượng cao định hướng ACCA có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, quản trị kinh doanh và chính trị - xã hội; nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về kế toán, kiểm toán và phân tích; thiết kế và điều hành hệ thống kế toán trong các đơn vị kế toán (doanh nghiệp, đơn vị công, tổ chức tài chính trung gian); có năng lực nghiên cứu tự bổ sung kiến thức theo yêu cầu công việc.

Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp/ Job opportunity after graduate

Cán bộ kế toán, tài chính, kiểm toán, kiểm soát và thuế trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, các ngân hàng thương mại, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ; Khi được trang bị chứng chỉ nghề nghiệp có thể tự tạo lập công ty dịch vụ kế toán, kiểm toán để tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân; Làm trợ lý kiểm toán viên và kiểm toán viên trong cơ

quan Kiểm toán nhà nước, các công ty kiểm toán độc lập trong và ngoài nước và kiểm toán viên nội bộ trong các tổ chức; Làm cán bộ nghiên cứu, giảng viên giảng dạy về kế toán, kiểm toán tại các Trường, Viện, Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán.

2. CHUẨN ĐẦU RA/NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC/ LEARNER CAPABILITIES

Sau khi học xong chương trình Kiểm toán Chất lượng cao định hướng ACCA, sinh viên có khả năng:

PLO 1: Nhận ra được các vấn đề đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán

PLO 2: Hiểu được những kiến thức cập nhật và toàn diện về kế toán kiểm toán và tài chính; đặc biệt là các chuẩn mực kiểm toán hiện hành và rủi ro kiểm toán

PLO 3: Hiểu được nhu cầu của những người sử dụng thông tin kế toán và có khả năng đưa ra các đề xuất phù hợp

PLO 4: Vận dụng được những kiến thức kế toán, kiểm toán nhằm đưa ra các xét đoán phù hợp để thực hiện phân tích tài chính và ra quyết định

PLO 5: Phân tích được quá trình kiểm toán, các tình huống có nguy cơ gian lận và các biện pháp kiểm soát nội bộ để ngăn ngừa.

PLO 6: Vận dụng được kiến thức về môi trường kinh doanh hiện tại trong nước và toàn cầu

PLO 7: Có kỹ năng định lượng và kỹ năng công nghệ để phân tích và diễn giải dữ liệu kinh tế và cải thiện hoạt động kinh doanh

PLO 8: Kết hợp kinh nghiệm với kiến thức và kỹ năng để vận dụng, phân tích và đánh giá cho một đơn vị thực tế.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 135 tín chỉ

Khối lượng học tập của chương trình đào tạo cử nhân ngành Kiểm toán chuyên sâu Kiểm toán tích hợp chứng chỉ ACCA phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, gồm 135 tín chỉ (viết tắt là TC), không bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, các lớp tiếng Anh tăng cường do chuyên gia nước ngoài giảng dạy và các lớp kỹ năng mềm được thực hiện bởi các tổ chức chuyên nghiệp. Chi tiết như sau:

Chương trình giảng dạy Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng theo quy định của pháp luật và quy chế của Trường;

Ngoại ngữ, tiếng Anh tăng cường theo Đề án ngoại ngữ dành cho sinh viên chương trình Chất lượng cao nhằm đáp ứng chuẩn ngoại ngữ theo quy định;

Tham quan, thực hành, thực tế tại các tổ chức, doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong hoặc ngoài nước;

Tham gia các khóa đào tạo chứng chỉ nghề nghiệp thông qua hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp để trang bị kiến thức thực tế đối với nghề nghiệp đào tạo.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH/ APPLICANTS FOR ENROLLMENT

Người học phải đạt chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo, cụ thể người học phải đạt tiêu chuẩn theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

Ngoài ra, người học phải vượt qua kỳ thi đầu vào chương trình Chất lượng cao; đáp ứng yêu cầu về trình độ tiếng Anh để theo học chương trình Kiểm toán Chất lượng cao định hướng ACCA theo quy định của Trường.

Tự nguyện tham gia vào chương trình Kiểm toán Chất lượng cao định hướng ACCA.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP/ (STUDY PROCESS AND GRADUATION REQUIREMENTS)

- Thời gian đào tạo thiết kế là 4 năm, bao gồm cả học tăng cường tiếng Anh và thời gian thực tập cuối khóa.

- Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định hiện hành của trường Đại học Kinh tế quốc dân và quy định riêng biệt trong quy chế đào tạo áp dụng cho các sinh viên theo học chương trình chất lượng cao. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc và số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo, tổng lượng kiến thức là 135 tín chỉ và phải hoàn thành các học phần Giáo dục thể chất và đạt chứng chỉ Giáo dục quốc phòng.

Đồng thời, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Tin học và ngoại ngữ theo quy định của dành cho sinh viên Chương trình chất lượng cao.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

Các học phần của chương trình được đánh giá theo thang điểm 10 hoặc thang điểm 4, được ghi cả bằng số và bằng chữ. Thang điểm 10 được quy đổi sang điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Từ 9,0 đến 10	A+	4,0
2	Từ 8,5 đến 8,9	A	4,0
3	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
4	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
5	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
6	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
7	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
8	Từ 4,5 đến 4,9	D	1,0

b) Loại không đạt:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Dưới 4,5	F	0,0

7. CẤU TRÚC, NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

7.1. Cấu trúc kiến thức

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	35	
<i>1.1. Các học phần chung</i>	11	Khoa học chính trị
<i>1.2. Các học phần của Trường</i>	12	04 học phần chung của Trường
<i>1.3. Các học phần của ngành</i>	12	04 học phần chung của lĩnh vực
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	100	
<i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>	15	05 HP chung của nhóm ngành
<i>2.2. Kiến thức ngành</i>	57	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	42	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
<i>2.3. Kiến thức chuyên sâu</i>	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
<i>2.4. Khóa luận tốt nghiệp</i>	10	
TỔNG SỐ	135	Không kể GDQP & AN, GDTC và ngoại ngữ

7.2. Nội dung và Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

Kế hoạch học tập chuẩn

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Credits	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG				35		15	13	7	0	0	0	0	0	0
<i>1.1. Các học phần chung</i>				11		3	4	4	0	0	0	0	0	
1	1	LLNL1105	Triết học Mác Lê Nin <i>Marxist-Leninist philosophy</i>	3	Tiếng Việt	3								
2	2	LLNL1106	Kinh tế chính trị Mác Lê Nin <i>Political economics of marxism and leninism</i>	2	Tiếng Việt		2							
3	3	LLNL1107	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific socialism</i>	2	Tiếng Việt		2							
4	4	LLSD1102	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Vietnam Communist Party History</i>	2	Tiếng Việt			2						
5	5	LLTT1101	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	Tiếng Việt			2						
		NNKC	Ngoại Ngữ <i>Foreign Language</i>	x	Tiếng Việt	x	x							
		GDTC	Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	x	Tiếng Việt	x	x	x	x					
		QPCT1101	Giáo dục quốc phòng / <i>Military Education</i>											
		QPCT1102	Công tác quốc phòng an ninh/ <i>Introduction to the National Defense</i>											
		QPDL1103	Quân sự chung/ <i>General Military Education</i>											
		QPDL1104	Đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam/ <i>Vietnam Communist Party's Direction on the National Defense</i>	x	Tiếng Việt			x						
		QPDL1105	Chiến thuật và kỹ thuật bắn súng AK/ <i>Stragegy and Technique of Shooting AK</i>											

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Cred its	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
1.2. Các học phần bắt buộc của Trường				12		9	3	0	0	0	0	0	0	0
6	1	TOCB1110	Toán cho các nhà kinh tế <i>Mathematics for Economics</i>	3	Tiếng Việt	3								
7	2	LUCS1129	Pháp luật đại cương <i>Fundamentals of Laws</i>	3	Tiếng Việt	3								
8	3	KHMI1101	Kinh tế vi mô 1 <i>Microeconomics 1</i>	3	Tiếng Việt	3								
9	4	KHMA1101	Kinh tế vĩ mô 1 <i>Macroeconomics 1</i>	3	Tiếng Việt		3							
1.3. Các học phần của ngành				12		3	6	3	0	0	0	0	0	0
10	1	KTKE1101 E	Nguyên lý kế toán <i>Accounting Principles</i>	3	Tiếng Anh		3							
11	2	NHLT1101	Lý thuyết tài chính tiền tệ <i>Monetary and Financial Theories</i>	3	Tiếng Việt			3						
12	3	QTTH1102	Quản trị kinh doanh 1 <i>Business Management 1</i>	3	Tiếng Việt	3								
13	4	TKKD1129	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh <i>Statistics for Economic and Business</i>	3	Tiếng Việt		3							
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP				10		0	3	1	1	1	2	2	1	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				15		0	0	6	6	3	0	0	0	
14	1	KTTC1106E	Kế toán tài chính 1 <i>Financial Accounting 1</i>	3	Tiếng Anh			3						
15	2	KTQT1103 E	Kế toán quản trị 1 <i>Managerial Accounting 1</i>	3	Tiếng Anh				3					
16	3	TOKT1101	Kinh tế lượng 1 <i>Econometrics 1</i>	3	Tiếng Việt			3						
17	4	KTKI1101E	Kiểm toán căn bản <i>Basic Auditing</i>	3	Tiếng Anh				3					
18	5	KTHT1101	Hệ thống thông tin kế toán 1 <i>Accounting Information Systems 1</i>	3	Tiếng Việt					3				

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tin chỉ Cred its	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester							
						1	2	3	4	5	6	7	8
2.2. Kiến thức ngành				57		0	3	6	12	12	15	9	0
2.2.1. Các học phần bắt buộc				42		0	3	3	6	9	12	9	0
19	1	KTKI1108E	Kiểm toán tài chính 1 <i>Financial Auditing 1</i>	3	Tiếng Anh					3			
20	2	KTQT1104	Kế toán quản trị 2 <i>Managerial Accounting 2</i>	3	Tiếng Việt					3			
21	3	KTKE1109	Kế toán công 1 <i>Accounting for Public Sector 1</i>	3	Tiếng Việt				3				
22	4	KTTC1107E	Kế toán tài chính 2 <i>Financial Accounting 2</i>	3	Tiếng Anh				3				
23	5	KTTC1111E	Phân tích báo cáo tài chính <i>Financial Statement Analysis</i>	3	Tiếng Anh							3	
24	6	KTHT1102	Hệ thống thông tin kế toán 2 <i>Accounting Information Systems 2</i>	3	Tiếng Việt						3		
25	7	KTKI1111E	Kiểm toán nội bộ <i>Internal Audit</i>	3	Tiếng Anh							3	
26	8	KTKI1109E	Kiểm toán tài chính 2 <i>Financial Auditing 2</i>	3	Tiếng Anh						3		
27	9	KTKT1101E	Thực tập kế toán <i>Accounting Internship</i>	3	Tiếng Anh						3		
28	10	KTKI1120E	Đề án - Kiểm toán <i>Essay on Auditing</i>	3	Tiếng Anh							3	
29	11	KTQT1109E	Kế toán chi phí <i>Cost Accounting</i>	3	Tiếng Anh		3						
30	12	KTTC1114E	Kế toán tài chính 3 <i>Financial Accounting 3</i>	3	Tiếng Anh						3		
31	13	NHTC1104E	Tài chính doanh nghiệp <i>Coporate Finance</i>	3	Tiếng Anh					3			
32	14	NHCO1111E	Thuế <i>Taxation</i>	3	Tiếng Anh			3					

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Cred its	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester							
						1	2	3	4	5	6	7	8
2.2.2. Các học phần tự chọn của ngành (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp sau)				15		0	0	3	6	3	3	0	0
33- 37	1	KTTC1112E	Tiếng Anh ngành kế toán <i>English for Accounting</i>	3	Tiếng Anh								
	2	KTKI1105E	Kiểm soát quản lý <i>Management Control</i>	3	Tiếng Anh								
	3	KTHT1105	Kiểm soát nội bộ <i>Internal Control</i>	3	Tiếng Việt								
	4	KTTC1104	Kế toán doanh nghiệp Việt Nam <i>Accounting in Vietnamese companies</i>	3	Tiếng Việt								
	5	KTHT1104	Phân tích dữ liệu trong kế toán <i>Data Analytics for Accounting</i>	3	Tiếng Việt								
	6	KTQT1105	Phân tích kinh doanh <i>Business Analysis</i>	3	Tiếng Việt								
	7	NLQT1101	Hành vi tổ chức <i>Organizational Behavior</i>	3	Tiếng Việt								
	8	KHEH1105	Lịch sử kinh tế <i>Economic History</i>	3	Tiếng Việt								
	9	DTKT1170	Thẩm định dự án đầu tư <i>Investment Project Appraisal</i>	3	Tiếng Việt								
2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp sau)				18		0	0	0	0	0	6	1 2	0
38- 43	1	KTKI1106	Kiểm toán hoạt động <i>Operational Audit</i>	3	Tiếng Việt								
	2	KTKI1118E	Chuyên đề kiểm toán <i>Contemporary Issues in Auditing</i>	3	Tiếng Anh								
	3	KTKI1111	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính <i>Practicing an Financial Audit</i>	3	Tiếng Việt								
	4	KTKE1110	Kế toán công 2 <i>Accounting for Public Sector 2</i>	3	Tiếng Việt								
	5	KTKE1108E	Kế toán quốc tế <i>International Accounting</i>	3	Tiếng Anh								

TT No.	TT tổ hợp	Mã học phần Code	Học phần Courses	Tín chỉ Cred its	Ngôn ngữ giảng Teaching languages	Học kỳ Semester								
						1	2	3	4	5	6	7	8	
	6	KTKI1119	Kiểm toán tài chính 3 <i>Financial Auditing 3</i>	3	Tiếng Việt									
	7	KTKE1107	Kế toán dự án đầu tư <i>Investment Project Accounting</i>	3	Tiếng Việt									
	8	NHCO1107	Tài chính công <i>Public Finance</i>	3	Tiếng Việt									
	9	KTKE1111	Kế toán điều tra <i>Forensic Accounting</i>	3	Tiếng Việt									
44	2.4.	KTKI1103E	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i> <i>Graduation Thesis</i>	10	Tiếng Anh									10
			Tổng số TC toàn khóa	135		12	13	19	15	21	21	21	10	

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN/INSTRUCTION

- CTĐT được thực hiện trong 04 năm. Mỗi năm có 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ (học kỳ hè) theo học chế tín chỉ.

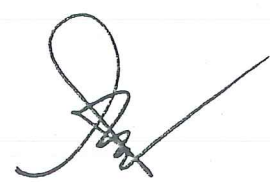
- Nội dung cần đạt được của từng học phần, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong Đề cương chi tiết mỗi học phần. Đề cương chi tiết của từng học phần phải gắn với chuẩn đầu ra của chuyên ngành đào tạo.

- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên cần tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra tin học và ngoại ngữ theo công bố của Chương trình Tiên tiến, Chất lượng cao và POHE, có chứng chỉ GDQP-AN và hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

VIỆN TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

VIỆN KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

PGS.TS Nguyễn Hữu Ánh

PGS.TS Phạm Hồng Chương